

Bản án số: 827/2024/DS-ST

Ngày: 30-9-2024

V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Huy Hoàng – Bà Phan Thị Dòn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 228/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 791/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 655/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng N (A)**

Địa chỉ trụ sở chính: Số B L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn H, sinh năm: 1980; Địa chỉ nơi làm việc: 322 B, khu phố C, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy uỷ quyền lại ngày 17/4/2023). (có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị B**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số nhà A Tổ C, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Công ty TNHH một thành viên G.

Địa chỉ: D A, ấp A, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Quốc V**, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Số nhà A Tổ C, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.2 Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Số nhà A Tổ C, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.3 Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1983

Địa chỉ: A ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

3.4 Ông Hồ Minh Q, sinh năm: 1974

Địa chỉ: 9 Đường số D, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/4/2023 của Ngân hàng N (A) và bản tự khai của ông Trần Văn H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Lê Thị Bích quan H1 giao dịch vay vốn tại Ngân hàng N Chi nhánh Nam Thành phố H – Phòng G1. Hai bên đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 6440-LAV- 202100251 ngày 03/02/2021, mục đích vay vốn: Mua sắm hàng tiêu dùng. Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng), phương thức cho vay: Cho vay từng lần, lãi suất: 10%/năm, thời hạn cho vay: 60 tháng, trả nợ gốc 01 tháng/lần, trả nợ lãi 01 tháng/lần, ngày trả nợ cuối cùng: 01/02/2026.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên, Công ty TNHH Một Thành viên G dùng tài sản là 02 xe tải có cần cầu biển số 51D-108.18 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 290590 do Công an Thành phố H cấp ngày 26/7/2017) và 51D-111.56 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 330769 do Công an Thành phố H cấp ngày 30/12/2017) để bảo đảm cho khoản vay trên theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 6440- LCP-202100129 và 6440-LCP-202100130 ngày 01/02/2021 đã được Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận, số công chứng: 000777 và 000778, quyền số: 02/2021/HĐGD-CCAL, đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/02/2021.

Khoản vay của bà Lê Thị B bắt đầu phát sinh nợ quá hạn kể từ ngày 11/11/2022. Ngân hàng A đã nhiều lần làm việc trực tiếp và thông báo thu hồi nợ trước hạn, yêu cầu bà Lê Thị B thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, tính đến nay bà Lê Thị B vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng A, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng A, gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng A.

Do đó, Ngân hàng N yêu cầu bà Lê Thị Bích T1 cho Ngân hàng N toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 30/9/2024 theo Hợp đồng trên là 761.199.483 đồng (bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi một triệu, một trăm chín mươi chín ngàn, bốn trăm tám mươi ba đồng) và lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi khách hàng trả hết nợ gốc cho Ngân hàng A, cụ thể: nợ gốc là 599.500.000 đồng; nợ lãi, lãi phạt quá hạn, lãi chậm trả tính trên lãi trong hạn quá hạn là 161.699.483 đồng.

Bà Lê Thị B phải tiếp tục trả lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6440-LAV-202100251 ngày 03/02/2021 cho đến khi bà Lê Thị Bích T1 hết nợ.

Trường hợp Bà Lê Thị Bích K thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên xử lý tài sản

bảo đảm của bà Lê Thị Bích T2 Hợp đồng thế chấp sau: Hợp đồng thế chấp tài sản số 6440- LCP-202100129 và 6440-LCP-202100130 ngày 01/02/2021 đã được Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận, số công chứng: 000777 và 000778, quyền số: 02/2021/HĐGD-CCAL, đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/02/2021.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc thẩm quyền sở hữu, sử dụng của bà Lê Thị B để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng N yêu cầu như sau:

- Buộc Bà Lê Thị Bích T1 nợ cho Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 6440-LAV-202100251 ngày 03/02/2021, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực toàn bộ khoản nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/9/2024 là: 761.199.483 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi một triệu, một trăm chín mươi chín ngàn, bốn trăm tám mươi ba đồng), trong đó: nợ gốc: 599.500.000 đồng, nợ lãi, lãi phạt quá hạn, lãi chậm trả tính trên nợ lãi là 161.699.483 đồng.

Bà Lê Thị B phải tiếp tục trả lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6440-LAV-202100251 ngày 03/02/2021 cho đến khi bà Lê Thị Bích T1 hết nợ.

Trường hợp bà Lê Thị Bích K thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 6440- LCP-202100129 và 6440-LCP-202100130 ngày 01/02/2021 đã được Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận, số công chứng: 000777 và 000778, quyền số: 02/2021/HĐGD-CCAL, đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/02/2021.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc thẩm quyền sở hữu, sử dụng của bà Lê Thị B để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Lê Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH một thành viên G, ông Nguyễn Quốc V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:
Ngày 23/11/2023 ông có mua 01 chiếc xe ô tô tải có cần cầu biên số 51D-108.18 (xe phế liệu không còn hoạt động) từ ông Nguyễn Hữu Ý với giá 228.000.000 đồng, đôi bên thỏa thuận mua bán thông qua mạng xã hội, không gặp trực tiếp ông Ý để giao dịch. Ông đã thanh toán toàn bộ số tiền mua bán cho ông Ý thông qua số tài khoản 107005011944 của Ngân hàng TMCP C2. Sau khi thanh toán đầy đủ thì ông Ý đã bàn giao xe cho ông. Sau khi nhận xe, ông mang xe đến gửi tại kho hàng địa chỉ A N, ấp C, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh của ông

Hồ Minh Q, hiện trạng là xe cũ không còn hoạt động, hiện nay xe vẫn còn đang gửi tại kho bãi nêu trên.

Ông đề nghị Tòa án sớm giải quyết vụ kiện để ông sớm bàn giao xe lại cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Đối với giao dịch mua bán giữa ông và ông Nguyễn Hữu Ý ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có yêu cầu thì sẽ khởi kiện thành một vụ án khác. Do không có tranh chấp và yêu cầu độc lập gì trong vụ án này nên ông có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Minh Q trình bày: Ông là chủ kho hàng địa chỉ 117C/5 N, ấp C, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn T có gửi tại kho hàng của ông 01 chiếc xe ô tô tải có cần cầu biên số 51D-108.18 (khi gửi đến xe không còn hoạt động) để xả bán phế liệu. Hiện nay xe vẫn đang được lưu tại kho hàng nêu trên. Ông không có liên quan gì đến việc thế chấp hay mua bán đối với xe này. Ông đề nghị Tòa án sớm giải quyết vụ kiện để ông sớm bàn giao xe lại cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định. Do không có tranh chấp và yêu cầu độc lập gì trong vụ án này nên ông có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 21, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 317, Điều 318, Điều 323 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; áp dụng Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc bà Lê Thị Bích T1 nợ cho Ngân hàng N số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 theo Hợp đồng tín dụng số 6440-LAV-202100251 ngày 03/02/2021 là 761.199.483 đồng, trong đó: nợ gốc: 599.500.000 đồng, nợ lãi và phí: 161.699.483 đồng. Bà Lê Thị B tiếp tục trả lãi kể từ ngày 01/10/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, lãi được tính trên số dư nợ gốc cho đến khi trả hoàn tất số nợ.

Trường hợp bà Lê Thị B không trả được số tiền nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp nhưng không đủ thu hồi nợ thì bà Lê Thị B có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho đến khi hoàn thành hết nghĩa vụ.

Về án phí: đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng N (sau đây viết tắt là Ngân hàng A) khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Lê Thị Bích . Theo khoản 5 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 6440-LAV-202100251 ngày 03/2/2021 giữa Ngân hàng N và bà Lê Thị B có thỏa thuận “Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này được giải quyết trên cơ sở thương lượng. Trường hợp không thương lượng được, các Bên thống nhất giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền tại nơi đóng trụ sở của Ngân hàng là A Chi nhánh Nam Thành phố H-P”, nguyên đơn có đơn lựa chọn thẩm quyền giải quyết tranh chấp là nơi thực hiện hợp đồng nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Lê Thị B; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH một thành viên G (sau đây viết tắt là công ty G), ông Nguyễn Quốc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; ông Nguyễn Văn T, ông Hồ Minh Q có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A thì có cơ sở xác định:

[4] Ngày 03/02/2021 bà Lê Thị B đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 6440-LAV-202100251 với Ngân hàng A (chi nhánh Nam Thành phố H) để vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), thời hạn vay 60 tháng; mục đích tiêu dùng mua đồ nội thất; lãi suất cho vay 10%/năm trả nợ gốc lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả 10%/năm; phương thức trả nợ gốc 01 tháng/lần, trả nợ lãi 01 tháng/lần vào ngày 01 của tháng với số tiền 16.660.000 đồng, riêng kỳ cuối ngày 01/02/2026 trả 17.060.000 đồng.

[5] Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

[6] Theo Hợp đồng tín dụng số 6440-LAV-202100251 ngày 03/02/2021 xác định số tiền vay là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, tất toán của hợp đồng vào ngày 01/02/2026. Ngân hàng A đã giải ngân số tiền vay 1.000.000.000 đồng cho bà B thông qua Ủy nhiệm chi ngày 03/02/2021 vào tài

khoản 6440205598674 của ông Nguyễn Trọng H2 mở tại Ngân hàng A – chi nhánh Nam Thành phố H đã được bà B ký xác nhận bằng Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ trả nợ. Như vậy, Ngân hàng A đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A xác nhận bà B đã thanh toán cho Ngân hàng được 400.500.000 đồng. Tính đến ngày 30/9/2024 bà B còn nợ ngân hàng số tiền vốn gốc 599.500.000 đồng và lãi phát sinh là 161.699.483 đồng. Bà B đã ngưng thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ ngày 04/10/2022 cho đến nay là vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn vay và tiền lãi theo hợp đồng đã ký.

[8] Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số 6440-LAV-202100251 ngày 03/02/2021 giữa bà B và Ngân hàng A quy định lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả 10%/năm. Bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký nên căn cứ vào Điều 6 của Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng A có quyền chấm dứt cho vay, yêu cầu thu hồi nợ trước hạn và xử lý nợ đối với bà B như trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A.

[9] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.”* Quá trình tố tụng, mặc dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Lê Thị Bích . Tại phiên tòa hôm nay bà B vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản cho biết ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, bà B đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật. Điều này cho thấy bà B không có thiện chí hòa giải cùng như thanh toán các khoản tiền còn nợ cho Ngân hàng A. Do đó, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà B thanh toán toàn bộ nợ gốc còn lại và lãi phát sinh là có căn cứ.

[10] Để bảo đảm khoản tín dụng trên, Công ty TNHH Một Thành viên G dùng tài sản là xe tải có cần cầu biển số 51D-108.18 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 290590 do Công an Thành phố H cấp ngày 26/7/2017) và xe tải có cần cầu biển số 51D- 111.56 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 330769 do Công an Thành phố H cấp ngày 30/12/2017) để bảo đảm cho khoản vay trên theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 6440- LCP-202100129 và 6440-LCP-202100130 ngày 01/02/2021 đã được Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận, số công chứng: 000777 và 000778, quyển số: 02/2021/HĐGD-CCAL, đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/02/2021.

[11] Xe tải có cần cầu biển số 51D-108.18 hiện nay ông Nguyễn Văn T đang quản lý và gửi tại kho hàng A N, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

của ông Hồ Minh Q. Ông Q và ông T có ý kiến sẽ bàn giao xe này cho cơ quan có thẩm quyền xử lý khi có yêu cầu.

[12] Đối với xe tải có cần cầu biển số 51D- 111.56 (Giấy chứng nhận đăng ký xe Ô tô số 330769 do Công an Thành phố H cấp ngày 30/12/2017); theo hợp đồng chấp thể hiện xe tải có cần cầu biển số 51D- 111.56 được thế chấp quyền sở hữu cho Ngân hàng để đảm bảo khoản vay và Ngân hàng giao lại xe cho được sử dụng. Công ty G đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có thông báo yêu cầu đưa tài sản đến Tòa án để xem xét thẩm định nhưng công ty G không thực hiện; nguyên đơn cũng không xác định được tài sản thế chấp bảo đảm hiện nay ai đang trực tiếp quản lý nên không có căn cứ để xem xét thẩm định đối với tài sản này.

[13] Do bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ Điều 6 của Hợp đồng tín dụng và Điều 4 của Hợp đồng thế chấp, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của công ty G để thanh toán các khoản nợ vay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Ngoài ra, từ ngày 01/10/2024 bà B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[15] Đối với yêu cầu nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của bà Lê Thị B để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật: xét đây là quyền của đương sự giai đoạn thi hành án nên có cơ sở chấp nhận.

[16] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[17] Ông Nguyễn Văn T, ông Hồ Minh Q không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét các giao dịch giữa đương sự liên quan đến tài sản thế chấp. Nếu sau này các ông có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng 1 vụ việc độc lập khi có đủ điều kiện thụ lý.

[18] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 91, Điều 147, khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 259, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 325, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐCA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Buộc bà Lê Thị B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 6440-LAV-202100251 ngày 03/02/2021 số tiền 761.199.483 (bảy trăm sáu mươi một triệu một trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi ba) đồng gồm: Dư nợ gốc 599.500.000 (năm trăm chín mươi chín triệu năm trăm ngàn) đồng, lãi trong hạn 132.021.764 (một trăm ba mươi hai triệu không trăm hai mươi một ngàn bảy trăm sáu mươi bốn) đồng và lãi quá hạn 16.088.393 (mười sáu triệu không trăm tám mươi tám ngàn ba trăm chín mươi ba) đồng, lãi chậm trả 13.589.326 (mười ba triệu năm trăm tám mươi chín ngàn ba trăm hai mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trường hợp bà Lê Thị Bích K thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền theo án tuyên, Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là xe tải có cần cầu biển số 51D-108.18 (Giấy chứng nhận đăng ký xe Ô tô số 290590 do Công an Thành phố H cấp ngày 26/7/2017) và xe tải có cần cầu biển số 51D-111.56 (Giấy chứng nhận đăng ký xe Ô tô số 330769 do Công an Thành phố H cấp ngày 30/12/2017) để bảo đảm cho khoản vay trên theo Hợp đồng thế chấp tài sản số

6440LCP202100129 ngày 01/02/2021 được Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận, số công chứng: 000777, quyền số: 02/2021/HĐGD-CCAL ngày 01/02/2021 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 6440LCP202100130 ngày 01/02/2021 được Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận, số công chứng: 000778, quyền số: 02/2021/HĐGD-CCAL ngày 01/02/2021 giữa Công ty TNHH một thành viên G và Ngân hàng A để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Bà Lê Thị Bích C 34.447.979 (ba mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn chín trăm bảy mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. H3 lại cho Ngân hàng A số tiền 15.754.331 (mười lăm triệu bảy trăm năm mươi bốn ngàn ba trăm ba mươi một) đồng theo biên lai thu tạm ứng áp phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0042888 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM; (1)
- VKSND H. BC; (2)
- Chi cục THADS H.BC; (1)
- Các đương sự; (12)
- Lưu: hồ sơ, VT. (3)

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Duy Linh



